

CHUẨN MỤC KẾ TOÁN “CHI PHÍ ĐI VAY” VÀ THỰC TẾ VẬN DỤNG

ThS. VŨ THỊ BÍCH QUỲNH

Vốn là cơ sở vật chất không thể thiếu đối với mỗi doanh nghiệp khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình thì ngoài phần vốn chủ sở hữu, doanh nghiệp còn có khá nhiều các khoản nợ vay khác như vay vốn của ngân hàng, các tổ chức tín dụng... Khi sử dụng vốn vay, ngoài phần tiền gốc phải trả, doanh nghiệp còn phải trả cho đơn vị cho vay một số tiền lãi theo thoả thuận – gọi là chi phí đi vay. Đúng trên góc độ kế toán, chi phí đi vay sẽ được ghi nhận và hạch toán như thế nào? Khi nào thì chi phí đi vay được vốn hoá? Thời điểm bắt đầu vốn hoá, tạm ngừng vốn hoá và chấm dứt vốn hoá?... Phần lớn câu trả lời đều được nêu chi tiết trong chuẩn mực kế toán số 16 với tên gọi chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay” và thông tư hướng dẫn. Song trên thực tế áp dụng, vẫn còn đó những vướng mắc và tranh luận về chuẩn mực này.

Kể từ năm 2000 đến nay, Bộ Tài

chính đã ban hành và công bố 26 chuẩn mực kế toán (Vietnam Accounting Standards – VAS). Về cơ bản, các chuẩn mực này được xây dựng trên cơ sở tham khảo các chuẩn mực kế toán quốc tế (International Accounting Standards – IAS) và có điều chỉnh để phù hợp với điều kiện ở Việt Nam. Chuẩn mực kế toán số 16 được ra đời theo quyết định số 165/2002/QĐ – BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ tài chính, ngày 04/11/2003 Bộ tài chính ban hành Thông tư số 105/2003/TT–BTC hướng dẫn chi tiết thực hiện chuẩn mực. Như vậy, tính từ thời điểm ban hành đến nay, chuẩn mực kế toán số 16 được áp dụng vào thực tế đã 5 năm, với thời gian đó, chuẩn mực cũng đã bộc lộ nhiều ưu điểm và hạn chế.

Những ưu điểm có thể kể ra như:

- Chuẩn mực kế toán số 16 đã cụ thể hoá phạm vi áp dụng, giúp các tổ chức và doanh nghiệp vận dụng một cách dễ dàng, đảm bảo tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính, đồng thời vẫn đảm

bảo phù hợp với kế toán quốc tế;

- Hướng dẫn các nguyên tắc và phương pháp kế toán đối với chi phí đi vay để các doanh nghiệp có cơ sở vận dụng. Kết quả vận dụng tạo được tính phù hợp giữa báo cáo tài chính trong nước và báo cáo tài chính quốc tế khi mà quá trình hội nhập và tiếp cận với các thông lệ quốc tế đang diễn ra hết sức mạnh mẽ;

- Cụ thể hoá cách ghi nhận chi phí phát sinh trước và sau khi đưa tài sản dở dang vào sử dụng;

- Phân biệt một cách rõ ràng thời điểm tạm dừng vốn hoá và thời điểm chấm dứt vốn hoá giúp các tổ chức và doanh nghiệp dễ dàng xác định và phân bổ chi phí đi vay.

Bên cạnh đó, cũng còn một số vấn đề cần trao đổi. Tại đoạn 11 phần nội dung chuẩn mực có nêu “*Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lãi kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục*

vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó”. Như vậy, theo Chuẩn mực, sau khi được vốn hoá chi phí đi vay thì giá trị ghi sổ của tài sản bao gồm cả phần giá mua và phần lãi được chuyển thành vốn, điều kiện duy nhất phải thoả mãn là chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó mà thôi. Câu hỏi đặt ra là, sau khi vốn hoá chi phí đi vay, giá trị ghi sổ của tài sản vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được thì sao? Nếu kế toán vẫn tiến hành hạch toán theo hướng dẫn tại thông tư số 105/2003/TT – BTC ngày 04/11/2003 của Bộ tài chính và theo tinh thần của chuẩn mực kế toán số 16 thì liệu rằng có đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong kế toán hay không? Nên chăng, trường hợp này Việt Nam nên áp dụng theo chuẩn mực kế toán Quốc tế số 23 về chi phí đi vay, là “khi giá trị ghi sổ của một tài sản bao gồm cả lãi được chuyển thành vốn, nếu vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được thì tài sản cần được điều chỉnh giảm xuống giá trị thuần có thể thực hiện được”.

Một thực trạng nữa là từ ngữ Chuẩn mực nêu lên không rõ ý, tại đoạn 16 của Chuẩn mực có nêu: “*Việc vốn hoá*

chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết” Vậy, như thế nào là sự gián đoạn cần thiết? Vay tiền mua mảnh đất đầu tư xây nhà để bán. Trong quá trình xây dựng thì xảy ra tranh chấp (hoặc các vấn đề liên quan đến pháp lý xảy ra) dẫn đến việc trì hoãn xây dựng để giải quyết các vấn đề này thì sự gián đoạn đó có được xem là cần thiết không? Nếu câu trả lời là “Có” thì doanh nghiệp vẫn được vốn hoá chi phí đi vay trong thời gian này, nếu câu trả lời là “Không”, tức là thời gian trì hoãn việc xây dựng để xử lý các vấn đề pháp lý không được xem là sự gián đoạn cần thiết, có thể chỉ xem đó là một sự gián đoạn bất thường thì theo chuẩn mực này sẽ không được vốn hoá chi phí đi vay. Vậy doanh nghiệp phải hiểu câu trả lời theo hướng nào? Trong khi đó, nếu tham khảo Chuẩn mực kế toán quốc tế số 23, chúng ta thấy chuẩn mực này qui định rất rõ: **“Không được dừng việc vốn hoá trong những kỳ đang thực hiện công việc hành chính và kỹ thuật quan trọng”**. Vậy việc ví dụ vay tiền mua mảnh đất đầu tư xây nhà để bán nêu trên thì chi phí đi vay trong thời gian trì hoãn xây dựng để giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp lý vẫn được tiến

hành vốn hoá.

Và còn rất nhiều những câu hỏi nữa đặt ra khi vận dụng chuẩn mực “Chi phí đi vay” như: tại đoạn 18 của chuẩn mực có nêu : *“Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh”*. Như vậy, chuẩn mực khẳng định chỉ có các khoản chi phí đi vay liên quan đến quá trình chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán thì mới được vốn hoá, chi phí đi vay phát sinh sau khi tài sản đã hoàn thành thì không được vốn hoá mà phải được đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Thiết nghĩ, nếu chi phí lãi vay phát sinh sau khi tài sản đã hoàn thành nhưng làm gia tăng lợi ích kinh tế của tài sản, vượt qua lợi ích ban đầu của tài sản và có thể đo lường một cách đáng tin cậy thì tại sao lại không được vốn hoá?

Nhìn chung, quá trình vận dụng chuẩn mực kế toán số 16 của các doanh nghiệp Việt Nam là tương đối dễ dàng hơn một số chuẩn mực kế toán khác như chuẩn mực kế toán số 17 “Thuế thu nhập doanh nghiệp”, chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán đầu tư vào công ty con” hay chuẩn mực

kế toán số 29 “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”... nhưng chuẩn mực kế toán số 16 cũng vẫn còn đó những vấn đề chưa được giải quyết một cách hợp lý, từ ngữ của chuẩn mực chưa thực sự rõ ràng, dễ hiểu, thông tư hướng dẫn chuẩn mực chưa bao quát được vấn đề nên thực tế vận dụng vẫn còn vướng mắc. Bộ Tài chính cần giải quyết thỏa đáng những vấn đề của thực tiễn, cần sửa đổi chuẩn mực ở những điểm cần thiết. Chính việc sửa đổi này càng làm cho chuẩn mực kế toán của Việt Nam phù hợp với chuẩn mực kế toán Quốc tế hơn, giúp Việt Nam dễ dàng hội nhập với thế

giới hơn. Mặt khác, việc hoàn thiện chuẩn mực kế toán sẽ tạo cơ sở nâng cao chất lượng thông tin kế toán, từ đó sẽ có tác động tích cực đến nền kinh tế nói chung và người sử dụng thông tin kế toán nói riêng.

Tài liệu tham khảo:

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16
- Chuẩn mực kế toán Quốc tế số 23
- Dương Thị Vân Anh, *Hạch toán chi phí đi vay theo tinh thần của chuẩn mực kế toán số 16*, www.irv.moi.gov.vn
- Thông tư 105/2003/TT-BTC ngày 04/11/2003 của Bộ Tài chính

SUY NGHĨ VỀ VIỆC BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC...

(Tiếp theo trang 36)

Thứ ba, hai bên cùng làm thủ tục chuyển nhượng đất và sang tên. Tuy vậy chính quyền cần thẩm tra chủ thể giao dịch và các giao dịch có phù hợp với yêu cầu quy định pháp luật và quy hoạch không, đồng thời phải thẩm tra phương thức sắp xếp bố trí nông dân có đất bị thu hồi có thể duy trì được cách làm ăn lâu dài của họ không. Nếu các bên đều đáp ứng được thì chính quyền chấp nhận đơn của hai bên. Chuyên mục đích sử dụng đất nông nghiệp theo cách này cho phép

đất nông nghiệp trực tiếp đi vào thị trường, trao cho nông dân quyền trực tiếp đàm phán với người sử dụng đất, không chỉ bảo đảm lợi ích của nông dân mà còn ngăn chặn hoạt động đầu cơ trong giao dịch đất, giảm bớt khiếu kiện của nông dân.

Phân loại các dự án thu hồi đất khác nhau để tìm cách giải quyết bồi thường khi thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hóa, bảo đảm lợi ích của nhà nước, chủ dự án và người nông dân có đất bị thu hồi theo các phương án cụ thể, thích hợp là cách áp dụng Luật Đất đai theo hướng phát triển bảo đảm lợi ích lâu dài, bền vững của nông dân và xã hội.